

Số: 229/BC-MNTT

Văn Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO
Thường niên trường mầm non Tân Tiến
Năm 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm Non Tân Tiến

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đa Ngưu - Xã Văn Giang - Hưng Yên

- Điện thoại: 0221.3732848 - Email: mamnontantien@gmail.com - Website: c0tantienvg.hungyen.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Tân Tiến là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Văn Giang, hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

a. Sứ mệnh:

Trường Mầm non Tân Tiến tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

b. Tầm nhìn:

Trường Mầm non Tân Tiến là một trường đạt chất lượng, có uy tín, không ngừng cải tiến để mang đến một nền giáo dục phong phú nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của mỗi trẻ. Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng và trên hết, Trường Mầm non Tân Tiến luôn chú trọng để tạo nên một môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, tôn trọng sự khác biệt và tố chất riêng của từng trẻ, từ đó định hình tính cách và định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai.

Nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa phương, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

c. Mục tiêu:

*** Mục tiêu tổng quát:** Xây dựng lực lượng sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường. Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho trẻ; tạo lập môi trường thân thiện giữa cô và trẻ, giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. Đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác giữa phụ huynh học sinh, các tổ chức đoàn thể tại địa phương với nhà trường. Nâng cao chất lượng chuyên môn. Thực hiện tốt Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tạo cơ hội giúp trẻ tích cực, chủ động, sáng tạo trong mọi hoạt động và phát triển đạt được các lĩnh vực mà Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, để trẻ sẽ trở thành con ngoan, trò giỏi sau này trở thành công dân có ích cho xã hội.

*** Mục tiêu cụ thể:**

- **Mục tiêu ngắn hạn:** Đến năm 2026 giữ vững kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- **Mục tiêu dài hạn:** Đến năm 2030 phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

+ Nhà trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 2.

+ Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định.

+ Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường Mầm non Tân Tiến được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1959, năm 1994 trường lớn hơn do sát nhập từ trường Mẫu giáo và Nhà trẻ xã Tân Tiến. Trường được chuyển đổi từ trường bán công sang công lập theo Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2013 của UBND huyện Văn Giang; có Địa chỉ chính tại Thôn Đa Ngưu, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Cơ sở 2 Địa chỉ: Thôn Hòa Bình, xã Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên. Cơ sở 3 Địa chỉ: Thôn Bá Khê, xã Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã Văn Giang, Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên, các ban ngành đoàn thể địa phương cùng

với sự hỗ trợ nhiệt tình của cha mẹ trẻ trong các hoạt động. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí đủ và phân công hợp lý theo Điều lệ trường mầm non. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có đạo đức, tác phong tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn nhiệt tình nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; giáo viên yêu nghề mến trẻ, năng động sáng tạo luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng phương pháp, đổi mới hình thức tổ chức dạy học để phát huy tính tích cực của trẻ trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua được giữ vững, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được nâng cao. Đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Năm học 1974 -1975 trường được Tặng cờ luân lưu của chính phủ “Đơn vị dẫn đầu thi đua ngành giáo dục”. Năm 2000 được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới". Nhà trường có nhiều năm đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và "Tập thể lao động xuất sắc". Năm học 2019-2020 nhà trường được UBND tỉnh Hưng Yên tặng "Cờ thi đua xuất sắc" và "Bằng khen" hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm học 2024-2025 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và được UBND huyện Văn Giang tặng Giấy khen có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý và dạy học".

Thông tin người đại diện pháp luật: - Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Hải-
Chức vụ: Hiệu trưởng - Số điện thoại: 0378333812 - Email: c0tantienvg.hungyen@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2013. Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND xã Văn Giang về việc thành lập trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Trường Mầm non Tân Tiến.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Đồng chí Nguyễn Thị Minh Hải được UBND huyện Văn Giang ra Quyết định số 4594/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non Tân Tiến từ ngày 01/9/2025.

- Đồng chí Đào Thị Hải Yến – Phó hiệu trưởng theo Quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Mầm non Tân Tiến.

- Đồng chí Nguyễn Thị Dung – Phó hiệu trưởng theo Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 về việc điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Mầm non Tân Tiến.

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Mầm non Tân Tiến:

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 18 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của nhà trường: Chiến lược phát triển của nhà trường; Quy chế dân chủ; Quy chế hoạt động của hội đồng trường; các quy định, quy chế nội bộ khác ...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường: 58 (trong đó cán bộ quản lý 03, giáo viên 46; nhân viên kế toán 01; hợp đồng bảo vệ 03; hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng: 05)

Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo			Ghi chú
			Chưa đạt	Đạt	Trên	

			chuẩn	chuẩn	chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	
P. hiệu trưởng	2	2	0	0	2	
Giáo viên	46	46	0	22	24	
Nhân viên	9	05	07	01	01	
Tổng	58	54				

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	26	Số (m²)/trẻ em
II	Loại phòng học	Số lượng	Bình quân
Điểm trường Trung tâm			
1	Phòng học kiên cố	10	2,3 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	
Điểm trường khu cơ sở 2			
1	Phòng học kiên cố	6	2,6 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	2	2,4 m ²
Điểm trường khu cơ sở 3			
1	Phòng học kiên cố	8	2,8 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	
III	Số điểm trường	3	
IV	Tổng số diện tích đất toàn trường (m²)	m²	7.955,8 m²
1	Điểm trường Trung tâm	m ²	1.248,0m ²
2	Điểm trường Cơ sở 2	m ²	2.677,8 m ²
3	Điểm trường Cơ sở 3	m ²	4.080,0 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi	m²	4.300 m²
1	Điểm trường Trung tâm	m ²	800 m ²

2	Điểm trường Cơ sở 2	m ²	1.500 m ²
3	Điểm trường Cơ sở 3	m ²	2.000 m ²
VI	Tổng diện tích một số phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	25	1350 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh	m ²	318 m ²
4	Diện tích sân chơi (m ²)	m ²	880 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	m ²	54 m ²
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	m ²	230 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15	0,6
2	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	10	0,4
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	03	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ giảng dạy và học tập		
1	Máy vi tính	06	
2	Máy chiếu	2	
3	Ti vi	25	
4	Đàn Organ	01	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		
1	Bàn ghế đúng quy cách	330	

2	Thiết bị khác (loa ngoài trời)		3 cái			
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Điểm trường Trung tâm					
	Đạt chuẩn vệ sinh	30 m ²		120 m ²		0,53 m ²
	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0				
2	Điểm trường cơ sở 2					
	Đạt chuẩn vệ sinh			84 m ²		0,40 m ²
	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					
3	Điểm trường cơ sở 3					
	Đạt chuẩn vệ sinh			84 m ²		0,44 m ²
	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					
XII	Cơ sở vật chất, trang thiết bị khác					
TT	Tên điểm trường	Danh mục CSVCh, trang thiết bị			Có	Không
1	Điểm trường 1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x	
		Nguồn điện lưới			x	
		Kết nối internet (ADSL)			x	
		Trang thông tin điện tử (website) của trường			x	
		Tường rào xây			x	
2	Điểm trường 2	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x	
		Nguồn điện lưới			x	
		Kết nối internet (ADSL)			x	
		Trang thông tin điện tử (website) của trường				x
		Tường rào xây			x	
3	Điểm trường 3	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x	

	Nguồn điện lưới	x	
	Kết nối internet (ADSL)	x	
	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x
	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục

Kết quả tự đánh giá chất lượng kiểm định giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025: Mức độ 2;

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian:

+ Năm 2012: Trường được Chủ tịch Ủy nhân dân Tỉnh ra Quyết định công nhận Trường Mầm non Tân Tiến đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1 và được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên ra Quyết định công nhận Trường Mầm non Tân Tiến đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

+ Ngày 10 tháng 11 năm 2021: Nhà trường được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng yên ra Quyết định công nhận Trường Mầm non Tân Tiến đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2. Ngày 19 tháng 11 năm 2021: Trường được Chủ tịch Ủy nhân dân Tỉnh ra Quyết định công nhận Trường Mầm non Tân Tiến đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Kết quả của nhà trường trong năm học 2024-2025:

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	714	0	0	160	165	178	211
1	Tổng số nhóm lớp	25	0	0	6	6	7	6
2	Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp	29	0	0	27	27	25	35
II	Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có)	0	0	0	0	0	0	0
III	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	714	0	0	160	165	178	211
VI	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	687	0	0	144	159	175	209

1	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	714	0	0	160	165	178	211
2	- Số trẻ cân nặng bình thường		0	0	159	160	172	192
3	- Số trẻ có chiều cao bình thường		0	0	159	163	177	198
4	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	7	0	0	0	1	2	4
5	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	7	0	0	1	2	1	3
6	- Số trẻ thừa cân béo phì	14	0	0	1	4	4	5
VI	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	196						196
VII	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ số thống kê	Từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2025	Năm 2024 -2025
A	Tổng thu hoạt động		
I	Ngân sách nhà nước	4.421.217.000	7.868.640.000
II	Thu hoạt theo quy định	178.782.000	350.570.000
1	Thu học phí, lệ phí	130.374.000	225.199.000
2	Tiền điện điều hòa	0	39.705.000
3	Tiền nước uống	20.832.000	36.714.000
4	Tiền vệ sinh	27.576.000	48.952.000
III	Thu thỏa thuận	579.120.00	1.686.330.000
1	Tiền học thứ bảy	214.800.000	650.160.000
2	Tiền bán trú	364.320.000	1.036.170.000
3	Tiền nước sạch sinh hoạt	0	0

IV	Thu khác từ người học	0	0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	4.421.217.000	7.868.640.0000
1	Chi tiền lương và thu nhập	3.334.320.000	6.668.640.000
	- Chi lương, thu nhập của giáo viên	2.956.994.800	6.084.215.400
	- Chi lương, thu nhập của cán bộ quản lý và nhân viên	246.196.200	492.392.400
	- Chi lương, thu nhập của nhân viên	51.129.000	92.032.200
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.086.897.000	1.200.000.000
	- Chi mua sắm	49.200.000	100.000.000
	- Chi sửa chữa, bảo dưỡng	354.307.000	354.307.000
	- Chi thuê mướn các dịch vụ phục vụ cho hoạt động giáo dục	683.090.000	745.693.000
3	Chi hỗ trợ người học	52.250.000	94.250.000
	- Chi miễn giảm học phí	52.250.000	94.250.000
	- Chi hỗ trợ chi phí học tập	0	0
	- Chi hỗ trợ ăn trưa	0	0
4	Chi khác	0	0

2. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học 2025-2026

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh:

Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển sinh trẻ em mầm non năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

- Tuyển sinh những trẻ đang cư trú và có hộ khẩu thường trú, tạm trú trên địa bàn xã Văn Giang.

+ Trẻ từ 16 tháng đến 72 tháng tuổi.

- Chỉ tiêu: Nhà trường dự kiến 687trẻ/26 nhóm, lớp (07 lớp nhà trẻ và 19 lớp mẫu giáo)

- Thời gian tuyển sinh:

+ Từ ngày 15/7/2025

+ Buổi sáng: Từ 7h30 đến 11h00

+ Buổi chiều: Từ 14h00 đến 17h00

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

*** Về công tác nuôi dưỡng:**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026 gồm chỉ tiêu như sau:

+ 100% trẻ đến trường được ăn, ngủ bán trú.

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi cuối năm dưới mức 2,5%, không chế tỷ lệ trẻ béo phì, không để hiện tượng trẻ suy sinh dưỡng nặng trong trường mầm non.

- Duy trì mức tiền ăn cho trẻ 21.500đ/ ngày/ trẻ kể cả chất đốt, nước nấu ăn (trong đó ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ).

- 100% trẻ được đối sử công bằng trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Đảm bảo khẩu phần ăn, cân đối giữa các chất đáp ứng nhu cầu năng lượng của trẻ ở trường. Thực đơn của trẻ được thay đổi theo tuần, theo mùa.

- 100% giáo viên có kiến thức, kỹ năng chăm sóc trẻ mầm non, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, có tình trạng sức khỏe tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm.

- 100% cô nuôi được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/ năm, có kiến thức về VSATTP và kỹ năng chế biến thực phẩm.

*** Về công tác chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ**

- 100% trẻ đến trường được cân đo, khám sức khỏe định kỳ, được theo dõi quá trình phát triển thể lực và theo dõi, đánh giá bằng biểu đồ tăng trưởng.

- 100% trẻ đến trường có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân riêng như: khăn mặt, ca, cốc, thìa, bát... có ký hiệu riêng của trẻ.

- 100% lớp có nguồn nước sạch và sử dụng nước sạch trong công tác vệ sinh, chăm sóc trẻ, có bình ủ nước ấm và có đủ nước ấm để trẻ sử dụng về mùa đông.

- 100% các nhóm, lớp có công trình vệ sinh khép kín đạt yêu cầu, trang trí hài hòa đẹp mắt phù hợp.

- 100% giáo viên nắm chắc các thao tác vệ sinh và thực hiện thường xuyên nghiêm túc.

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về mặt thể chất và tinh thần khi đến trường, học tập, vui chơi trong môi trường an toàn sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

*** Về công tác giáo dục**

- 100% cán bộ, giáo viên tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, ứng dụng vào thực hiện chương trình GDMN, điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với nhà trường, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non; có kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm. Đặc biệt linh hoạt điều chỉnh kế hoạch và hình thức giáo dục phù hợp trong điều kiện dịch bệnh không may xảy ra.

- 100% các nhóm, lớp thực hiện đánh giá theo bộ công cụ đánh giá, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN theo hướng dẫn của BGDĐT.

- 100% GV thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn theo Chương trình GDMN sau sửa đổi.

- 100% trẻ có đủ đồ dùng, đồ chơi, dụng cụ học tập phục vụ cho hoạt động học của trẻ.

*** Về thực hiện các chuyên đề**

- 100% nhóm lớp thực hiện hiệu quả các chuyên đề theo 5 lĩnh vực phát triển của trẻ.

- 26/26 nhóm, lớp tiếp tục thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, chương trình “Phòng chống bạo hành trẻ” phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương và thực hiện chủ đề năm học 2025-2026 “*Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm*”, “*Xây dựng bếp ăn an toàn, hiện đại*”. Trẻ có ý thức về vệ sinh và bảo vệ môi trường, thực hiện tốt một số quy định về an toàn giao thông.

*** Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

- Các nhóm lớp nghiêm túc thực hiện có hiệu quả văn bản chỉ đạo của các cấp về công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao. Thực hiện ký số giáo án điện tử, hạn chế hồ sơ giấy....

- 100% phụ huynh nhà trường được tuyên truyền về nội dung phối kết hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

- Thông qua Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh, họp phụ huynh toàn trường. Qua Ban đại diện CMHS của trường, của nhóm, lớp; tiếp tục hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ với nhiều hình thức phong phú: thông qua các ngày hội, ngày lễ, qua trang website của nhà trường, đài truyền thanh xã, qua hình thức lập nhóm lớp zalo, facebook...

- Làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp có hiệu quả với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể để có chính sách phù hợp, huy động nguồn lực tinh thần và vật chất góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh an toàn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng CSNDGD trẻ.

*** Các khoản thu và mức thu năm học 2025-2026 như sau:**

- Các khoản thu, mức thu cụ thể đối với một số dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục như: Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ ngoài giờ hành chính; Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ thứ bảy, trong hè; Nước uống... Nhà trường chờ có văn bản hướng dẫn của các cấp sẽ triển khai tới phụ huynh khi phụ huynh có nhu cầu tự nguyện đăng ký cho trẻ.

- Các khoản thu, mức thu cụ thể đối với một số dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục khác như:

TT	Danh mục thu	Số học sinh	Định mức thu	Tổng kinh phí dự toán thu được
1	Tiền điện điều hòa		Theo thực tế số công tơ điện sử dụng điều hòa hằng tháng.	
2	Tiền nước sinh hoạt		Theo thực tế số công tơ nước sử dụng hằng tháng.	
3	Tiền bán trú			
	- Tiền ăn (bao gồm mua thực phẩm, ga, nước nấu ăn).	578	21.500/ngày/trẻ	1.901.331.000
	- Tiền công chăm sóc bán trú	578	200.000/tháng/trẻ	1.040.400.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường nghiêm túc xây dựng kế hoạch và thực hiện hiệu quả phương án phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về mọi mặt, không để dịch bệnh lây lan tại nhà trường. Thực hiện bếp ăn sạch sẽ, an toàn, đảm bảo VSATTP theo quy trình 1 chiều; bếp ăn đúng quy cách, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc có hiệu quả văn bản chỉ đạo của các cấp không vi phạm pháp luật.

- 100% cán bộ, giáo viên tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, ứng dụng vào thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương; đánh giá việc thực hiện chương trình theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- 26/26 nhóm lớp nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; 100% các lớp mẫu giáo ứng dụng STEAM.

- 100% giáo viên soạn giáo án trên vi tính, thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng hiệu quả các phần mềm, xây dựng kho tài

liệu, học liệu, các công cụ hỗ trợ (Phần mềm tương tác, tài liệu trực tuyến, ngân hàng video,).

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021- 2025, chương trình “Tôi yêu Việt Nam”, “Phòng chống bạo hành trẻ” phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương.

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt, nâng cao chất lượng bữa ăn của trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cuối năm học còn dưới mức 2,5%, giảm từ 0,5-1,0% so với đầu năm học, khống chế tỉ lệ trẻ béo phì. Huy động trẻ đến trường, nhà trẻ đạt 46% DSĐT trở lên; mẫu giáo đạt 82,5% trở lên, 5 tuổi đạt 100% DSĐT.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các khoản thu, chi theo các văn bản chỉ đạo, đảm bảo thu đủ bù chi, tạo sự đồng thuận của các bậc phụ huynh và nhà trường.

- Thực hiện tốt kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, duy trì đảm bảo vững trắc các điều kiện phòng học/lớp, có nhà vệ sinh sạch sẽ, đạt yêu cầu.

- Từng bước phấn đấu đến 2026 các phòng học/lớp, đủ trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi để hướng tới đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2026.

- Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, mỗi tháng có ít nhất 01 bài viết (video) về GDMN của nhà trường hoặc phổ biến kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ theo khoa học được đăng tải trên Website của nhà trường.

- Hoàn thành tốt các lĩnh vực công tác GDMN theo quy định của Bộ GDĐT.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Website của nhà trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Hải